

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-09-2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân: bà Bùi Thị Dung; ông Bùi Văn Ôn

- **Thư ký phiên tòa:** ông Bùi Văn Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:** bà Bùi Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2024 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/07/2024:

- **Nguyên đơn:** anh **Bùi Văn B**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: **xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình**. Có mặt;

- **Bị đơn:** chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: **xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hoà Bình**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn anh **Bùi Văn B** trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Bùi Thị T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại **Ủy ban nhân dân xã V**. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

sống, cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân đã lâu không quan tâm đến nhau nên anh **B** xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: anh **B** và chị **T** có 01 con chung là cháu **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 05/10/2005. Hiện cháu **Đ** đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên anh **B** không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản; công nợ chung: Anh **B** trình bày không có.

Ngoài ra **B** không có yêu cầu gì thêm.

*Chị **Bùi Thị T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Tòa án.*

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: chị **Bùi Thị T** được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Anh **Bùi Văn B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **B** là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa anh **B** và chị **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **B** với chị **T** là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của anh **B** là phù hợp các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; Công nợ chung: anh **B** khai nhận không có. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn **Bùi Thị T** có nơi cư trú tại **xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình** nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của anh **Bùi Văn B** và chị **Bùi Thị T**: Chị **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Anh **Bùi Văn B** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị **T**, anh **B** theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa anh **B** và chị **T** là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về phong cách sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Chị **T** không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của chị trước việc anh **B** xin ly hôn với chị.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh **B** và chị **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **B** đối với chị **T** là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: anh **B** và chị **T** có 01 con chung là cháu **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 05/10/2005. Hội đồng xét xử thấy, hiện cháu **Đ** đã trưởng thành và đủ khả năng lao động, anh **B** không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng con chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4]. Về tài sản; công nợ chung: anh **B** khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: anh **B** phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110 Luật HN&GD năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238;

Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Bùi Văn B** đối với chị **Bùi Thị T** về việc "Ly hôn" cụ thể:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:* anh **Bùi Văn B** được ly hôn chị **Bùi Thị T**;
- 2. Về con chung:* anh **B** và chị **T** có 01 con chung là **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 05/10/2005. Hiện cháu **Đ** đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên anh **B** không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng con chung.
- 3. Về án phí:* Anh **B** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đồi trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh **B** đã nộp theo biên lai thu tiền số **0002264** ngày 15/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay anh **B** không phải nộp án phí nữa.
- 4. Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Vũ Bình (theo GCNKH số: 54 ngày 24/12/2004);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

